TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DSST
Ngày 30- 5 – 2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sơn Ngọc Ngoan

2. Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BT, xã LH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 07/7/2018 AL, bà cho bà Nguyễn Thị G vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Sau vài ngày bà Nguyễn Thị G cùng bà Phạm Thị B hỏi vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Khi vay tiền, bà G và bà B cùng đi chung và hai người cùng nhận số tiền vay 10 triệu đồng này. Thời hạn vay là 03 tháng.

Ba tháng sau, bà G có trả cho bà được 15.000.000 đồng và phần lãi suất, sau đó bà G trả cho bà thêm 5.000.000 đồng thông qua bà Phạm Thị L. Phần còn lại 10.000.000 đồng bà G và bà B chưa trả cho bà.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B có trách nhiệm trả cho bà số tiền 16.640.000 đồng (Gốc: 10.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 07/10/2018 AL đến ngày 07/02/2022 AL là 40 tháng x 1,66% = 6.640.000 đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 3 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Trước đây bà có vay của bà Nguyễn Thị N nhiều lần tổng cộng 30.000.000 đồng, bà không nhớ ngày tháng năm vay, lãi suất bà không nhớ. Lúc đi vay tiền thì có ba người đi chung là bà, bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị L. Ba người cùng hỏi vay số tiền của bà N (bà vay 15.000.000 đồng, bà B vay 10.000.000 đồng, bà L vay 5.000.000 đồng).

Sau khi vay, bà đã trả cho bà Nghĩ 15.000.000 đồng phần tiền bà vay, bà L cũng đã trả xong phần tiền bà L vay là 5.000.000 đồng. Còn phần bà B vay của bà N 10.000.000 đồng thì bà B chưa trả.

Nay bà N yêu cầu bà và bà B trả 10.000.000 đồng, bà đồng ý nhưng bà xin bà N bớt lãi suất. Trường hợp bà N không bớt lãi thì bà cũng đồng ý trả theo lãi suất theo Nhà nước là 6.640.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 3 năm 2022, bà Phạm Thị B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trước đây bà có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 90.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Khi vay thì ba người đi chung là bà, bà Nguyễn Thị G, bà Phạm Thị L. Ba người cùng vay chung số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng (Trong đó bà vay 10.000.000 đồng, bà Bích vay 15.000.000 đồng, bà Lệ vay 5.000.000 đồng). Sau khi vay bà có đóng lãi cho bà Nghĩ 03 tháng, số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Sau đó bà không đóng lãi cho bà Nghĩ nữa.

Nay bà Nghĩ yêu cầu bà trả số tiền 10.000.000 đồng, bà đồng ý nhưng bà xin bà Nghĩ bớt lãi suất. Trường hợp bà N không bớt lãi thì bà cũng đồng ý trả theo lãi suất theo Nhà nước mà bà N yêu cầu là 6.640.000 đồng.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 177, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 10.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 07/10/2018 AL đến ngày 07/02/2022 AL (nhằm ngày 09/3/2022 DL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm là 3.332.000 đồng.

Về án phí: Đương sự không phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự về vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay". Bị đơn cư trú tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B có trách nhiệm trả cho bà số tiền 16.640.000 đồng (Gốc: 10.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 07/10/2018 AL đến ngày 07/02/2022 là 40 tháng x 1,66% = 6.640.000 đồng): Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là do các bên tự thoả thuận với nhau. Khi bà Nguyễn Thị N cho bà Giang và bà Bích vay tiền, hai bên không làm văn bản cũng như các giấy tờ khác thể hiện có sự việc vay tiền này. Tuy nhiên qua biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B, bà Giang và bà Bích cũng thừa nhận có vay tiền của bà Nghĩ số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng trả. Bà Giang và bà Bích cũng thống nhất trả cho bà Nghĩ số tiền 10.000.000 đồng và lãi suất 6.640.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị G và người có nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B trả số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B đều thống nhất bà Bích có đóng lãi của phần tiền vay 10.000.000 đồng, tuy nhiên hai bên đều không nhớ được số tiền đã đóng và không có làm văn bản về việc đóng tiền lãi. Hai bên cũng thống nhất không yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng. Bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B cũng thống nhất trả số tiền lãi suất theo quy định pháp luật là 6.640.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất tính từ ngày 07/10/2018 AL đến ngày 07/02/2022 là 40 tháng x 1,66% = 6.640.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, đối với lãi suất Vị đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 468 theo mức 10%/tháng không có cơ sở chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 16.640.000 đồng (Gốc: 10.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 07/10/2018 AL đến ngày 07/02/2022 là 40 tháng x 1,66% = 6.640.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và bà Phạm Thị B phải chịu 832.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 416.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008761 ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Hồng Nhân